

TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN TRUNG TRỰC

ÔN TẬP TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT CẤP HUYỆN – LỚP 1

NĂM 2022-2023

Bài 1. Nối ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để được câu hoàn chỉnh

Bảng 1

Ngôi nhà
Đàn bò
Thầy cô
Cây vải
Chó treo
Bé Na
Trời mưa
Đàn kiến
Hoa
Gió

ăn cỏ.
mèo đậy.
dạy học.
cao năm tầng.
sai trĩu quả.
tỏa hương thơm ngát.
xôi xả.
tha mỗi về tổ.
bụ bẫm.
thối lao xao.

Bảng 2

Bác nông dân
Nhà văn
Bác sĩ
Ca sĩ
Họa sĩ
Hồ nước
Những chiếc lá
Chú phi công
Hoa hồng
Tuyết

khám chữa bệnh.
vẽ tranh.
roi trắng xóa.
xanh tươi mon môn.
thu hoạch lúa.
xanh trong.
lái máy bay.
viết truyện.
biểu diễn trên sân khấu.
tỏa hương thơm ngát.

Bảng 3

Đàn dê
Trời mưa
Con mèo
Giếng nước
Ngôi nhà
Đàn cò
Thầy cô
Con lợn
Cành vải
Hoa mai

dạy học.
cao năm tầng.
nở vào mùa xuân.
ủn ủn.
sai trĩu quả.
xôi xả.
đang rình bắt chuột.
trong veo.
bay là trên cánh đồng.
kêu be be.

Bài 2. Sắp xếp lại vị trí các từ để được câu học chỉnh.

Câu 1. Nhà/thì/sạch/mát

→

Câu 2. sâu/khoan/hoắm/.Giếng

→

Câu 3. sắc/hoa/Trăm/.khoe

→

Câu 4. cơm/Bát/ngon/sạch

→

Câu 5. ốm/.bị.Mẹ

→

Câu 6. chim/bìm/bịp

→

Câu 7. Hoa/màu/.vàng/cúc

→

Câu 8. tỉnh/.trắng/Hoa/huệ

→

Câu 9. vành/Chim/đang/khuyên/.bay

→

Câu 10. cây/Tết/trông/mùa/Xuân/. là

→

Câu 11. sân./ đạp/ trên/ xe/ Bé

→

Câu 12. vị/ na/ có/ Quả/ ngọt.

→

Câu 13. cho/ kim/ xô/ Em/ bà.

→

Câu 14. úp/ b/ en/ s

→

Câu 15. bìm/ chim/ bịp

→

Câu 16. chín/ tím. / sim/ Quả/ màu

→

Câu 17. vành / Chim/ đang/ khuyên/ . / bay

→

Câu 18. chim/ ca/ sơn

→

Trắc nghiệm 1

Câu 1. Ngược với “xấu” gọi là gì?

- a. đen b. tốt c. tươi d. dữ

Câu 2. Từ nào dưới đây không chỉ màu sắc ?

- a. đỏ rực b. lúa gạo c. tím ngắt d. vàng tươi

Câu 3. Từ nào dưới đây không chỉ con vật ?

- a. con ong b. con gà c. con chim d. con tàu

Câu 4. Người sáng tác thơ ca được gọi là gì?

- a. thầy giáo b. nhà thơ c. nhà giáo d. công an

Câu 5. Những từ nào có vần "on" trong câu:

Mẹ Bồng đi chợ đường tron

Bồng ra gánh đỡ chạy con mưa ròn.

- a. chợ b. tron c. con d. tron, con

Câu 7. Trong các từ sau, từ nào chỉ con vật sống trong rừng?

- a. hổ b. trâu c. ngan d. vịt

Câu 7. Chọn từ phù hợp đứng trước cụm từ "làm việc trong nhà máy." Để hoàn thành câu có nghĩa?

- a. chú công an b. cô giáo em c. bác thợ nề d. anh công nhân

Câu 8. Chọn đáp án đúng để giải câu đố:

"Cái gì bật sáng trong đêm

Giúp cho nhà dưới, nhà trên sáng ngời?"

- a. bóng bay b. bật lửa c. bóng đèn d. đom đóm

Câu 9. Từ nào chứa vần "uyên" trong câu:

"Em yêu nhà em

Hàng xoan trước ngõ

Hoa xao xuyên nở

Như mây từng chùm."

- a. yêu b. xoan c. xuyên d. chùm

Câu 10. Chọn chữ phù hợp điền vào chỗ trống:

"Tre bầnần nhớ gió

Chợt về đây tiếng chim."

(Lũy tre- Nguyễn Công Dương)

- a. c b. tr c. th d. ng

Câu 11. Trong các từ sau, từ nào chỉ con vật sống được dưới nước?

- a. chim sơn ca b. chim cánh cụt
c. chim bồ câu d. chim chiền chiện

Câu 12. Từ nào có vần "ân" trong câu "Anh công nhân làm việc trong nhà máy.?"

- a. anh b. máy c. trong d. nhân

Trắc nghiệm 2

Câu 1. Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

Àm ảm sấm chớp

Gió cuốn mây về

Mưa rơi lộp độp

Mưa chườn qua đê. (Nguyễn Lâm Thắng)

- a. sấm b. chớp c. chườn d. rơi

Câu 2. Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

- a. con chăn b. khóm trúc c. công triêng d. chốn tìm

Câu 3. Điền từ còn thiếu:

Chú gà trống nhỏ

Cái mào màu đỏ

Cái mỏ màu vàng

Đập cánhvang

Dưới giàn bông bí. (Nguyễn Lâm Thắng)

a. hát b. gáy c. kêu d. nhảy

Câu 4. Điền từ còn thiếu:

Hôm qua em tới trường

Mẹtay từng bước

Hôm nay mẹ lên nương

Một mình em tới lớp. (Hoàng Minh Chính)

a. sờ n. nặn d. đất d. gấp

Câu 5. Điền từ còn thiếu:

Mùa xuân hoa nở đẹp tươi

Bướm con bướm mẹ ra chơi hoa hồng

Bướm mẹ hút mật đầu bông

Bướm con đùa với nụ hồnghoe. (Trần Đăng Khoa)

a. đỏ b. đen c. xanh d. tím

Câu 6. Tên đồ vật nào dưới đây có vần “ap”?



A



B



C

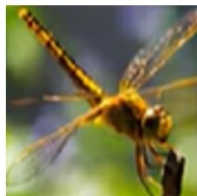


D

Câu 7. Tên đồ vật nào dưới đây có vần “uôt”?



A



B



C



D

Câu 8. Giải câu đố sau:

Con gì bé tí

Đi lại từng đàn

Kiểm được môi ngon

Cùng tha về tổ

a. con dế b. con muỗi c. con ong d. con kiến

Câu 9. Người trong hình đang làm gì?



a. vẽ tranh b xây nhà c. nấu ăn d. dạy học

Câu 1. Giải câu đố sau:

Chim gì hay múa
Đuôi xoè cánh quạt
Đẹp như bức tranh?

- a. chim nhạn b. chim công c. chim chào mào d. chim sẻ

câu 2. Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

Dàn gác đan lá
Xanh một góc trời
Gió về gió quạt
Mát chỗ em ngồi. (Đặng Vương Hưng)

- a. trời b. dàn c. quạt d. chỗ

câu 3. Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

- a. xách vở b. túi xách c. quyển sách d. xấp nẻ

Câu 4. Điền từ còn thiếu:

Gió từ trời cao
Có khi còn nghĩ
Gió từ tay mẹ
.....suốt ngày hè. (Vượng Trọng)

- a. chảy b. rơi c. thổi d. dâng

câu 5. Điền từ còn thiếu

Bàn tay nhỏ
Phe phẩy quạt nan
Đều đều ngọn gió
Rung rinh góc màn. (Quang Huy)

- a. nhạt b. nhen c. nhoi d. nhẩn

Câu 6. Điền từ còn thiếu: Giàn mướp toảthơm nức.

- a. màu b. hương c. xanh d. nắng

Câu 7. Điền từ còn thiếu vào câu tục ngữ sau: Giấy rách phải giữ lấy.....

- a. chữ b. tờ c. vở d. lề

Câu 8. Đây là biển báo giao thông?



A



B



C



D

Câu 9. Đây là cái gì?



- a. máy hút bụi b. com-pa c. chổi lau nhà d. cái xẻng

ĐỀ SỐ 2 (5 bài thi)

Bài 1. Điền từ, số thích hợp vào chỗ chấm.

- Câu 1. Anh em như thể chân.....
 Câu 2. Rách lành đùm bọc đỡ đỡ đàn
 Câu 3. Thất bại là mẹảnh công.
 Câu 4. Giấyách phải giữ lấy lễ.
 Câu 5. Uống nướcở nguồn.
 Câu 6. Kínhây yêu bạn.
 Câu 7. Đói choách rách cho thơm
 Câu 8. Một cây làm chẳng nênon
 Câu 9. Ba cây chụm lại nên hònúi cao
 Câu 10. Nhất nhưỏ đế.

Bài 2. Nối ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để được câu đúng.

Mặt trời	gáy ò ó o.
Gà trống	đang gặm cỏ.
Chim sơn ca	chảy rì rầm.
Con trâu	hót líu lo.
Cá vàng	đang rình bắt chuột.
Suối	bơi tung tăng.
Chuồn chuồn	bay thấp thì mưa.
Những con ếch	tỏa nắng ấm áp.
Những hạt mưa	thi nhau rơi xuống
Con mèo vàng	kêu ộp ộp

Trắc nghiệm 1

Câu 1. Tên đồ vật nào dưới đây có vần "oa"?



A



B



C



D

Câu 2. Hình ảnh nào dưới đây là chim thiên nga?



A



B



C



D

Câu 3. Tên con vật nào dưới đây không có vần "âu"?



A



B



C



D

Câu 4. Từ nào thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn thơ sau?

"Con đường rợp bóng tre
Uốn mình trong nắng hạ
Tiếng chim rơi ngọt quá!
Khẽ động cọng rom"

(Theo Nguyễn Lãm Thắng)

- a. xanh b. trắng c. vàng d. đỏ

Câu 5. Từ nào thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn thơ sau?

"Khi em bé khóc
Anh phải dỗ dành
Nếu em bé....
Anh nâng dịu dàng."

(Theo Phan Thị Thanh Nhàn)

- a. khóc b. ngã c. đói d. ngủ

Câu 6. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống sau:

"Trái.....xinh xinh
Nắng vàng chín đỏ
Bao nhiêu mặt trời
Ngủ say trong đó."

(Theo Đặng Vương Hưng)

- a. na b. chuối c. gấc d. táo

Câu 7. Giải câu đố sau:

Con gì bé tí
Đi lại từng đàn
Kiếm được môi ngon
Cùng tha về tổ?

- a. con dế b. con muỗi c. con ong d. con kiến

Câu 8. Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

"Hạt xương bé tí tẹo
Đụng cả ông mặt trời
Ai treo trên ngọn cỏ
Lung linh mà không rơi."

(Theo Phương Thảo)

- a. treo b. trời c. rơi d. xương

Câu 9. Từ nào dưới đây viết đúng chính tả ?

- a. hoa soan b. rạp siếc c. hoa xúng d. sưu tầm

Câu 10. Điền từ còn thiếu vào câu tục ngữ sau: Nhà sạch thì....., bát sạch ngon cơm.

- a. đẹp b. tốt c. thích d. mát

Câu 1. Tên con vật nào dưới đây có vần "âu"?



A



B



C



D

Câu 2. Các bạn nhỏ trong hình đang làm gì?



a. nhảy múa

b. hái hoa

c. trồng cây d. ăn uống

Câu 3. Tên đồ vật nào dưới đây có vần "eo"?



A



B



C



D

Câu 4. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống sau:

"Hoa cà....

Hoa mướp vàng vàng

Hoa lựu chói chang

Đỏ như đóm lửa."

(Theo Thu Hà)

a. đo đỏ

b. trắng trắng

c. tím tím

d. xanh xanh

Câu 5. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong khổ thơ sau:

"Hôm nay trời..... chang chang

Mèo con đi học chẳng mang thứ gì

Chỉ mang một chiếc bút chì

Và mang một mẩu bánh mì con con."

(Theo Phan Thị Vàng Anh)

a. nóng

b. mưa

c. nắng

d. lạnh

Câu 6. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong khổ thơ sau:

"Sân nhà em sáng quá

Nhờ ánh trăng sáng ngời

Trăng tròn như cái....

Lơ lửng mà không rơi."

(Theo Nhược Thủy)

a. ghê

b. quạt

c. đĩa

d. đĩa

Câu 7. Giải câu đố sau:

Con gì quang quác

Cục tác cục te

Đẻ trứng tròn xoe

Nở bông vàng bé?

a. bò câu

b. vịt

c. gà trống

d. gà mái

Câu 8. Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

"Hương rừng thơm đồi vắng
Nước suối trong thâm thì
Cọ sòe ô che nắng
Râm mát đường em đi."

(Theo Hoàng Minh Chính)

a. rừng b. suối c. sòe d. râm

Câu 9. Chữ cái "k" chỉ có thể ghép với những chữ cái nào?

a. a, ă, â b. i, u, ư c. o, ô, ơ d. i, e, ê

Câu 10. Tên những đồ vật trên có chung vần gì?



a. vần "ai" b. vần "ây" c. vần "ay" d. vần "ang"

Trắc nghiệm 3

Câu 1. Tên đồ vật nào dưới đây có vần "inh"?



A



B



C



D

Câu 2. Đây là loại rau gì?



a. rau muống b. rau cải c. rau ngót d. rau xà lách

Câu 3. Tên con vật nào sau đây có vần "ac"?



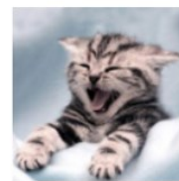
A



B



C



D

Câu 4. Điền tên một loài vật thích hợp vào chỗ trống trong khổ thơ sau:

"..... con ngòi lặng yên
Lông một màu trắng muốt
Hai mắt hồng trong suốt
Trông hiền ơì là hiền."

(Theo Hoàng Thị Minh Khanh)

a. gà b. nghé c. bê d. thỏ

Câu 5. Điền tên một loài hoa thích hợp vào chỗ trống sau:

"Cứ mỗi độ thu sang
Hoa lại nở vàng
Ngoài vườn, hương thơm ngát

Ong bướm bay rộn ràng."

(Theo Trần Lê Văn)

- a. khế b. bươm c. đào d. cúc

Câu 6. Điền tên một loài cây vào chỗ trống sau:

"Chú mèo be bé

Trèo cây.....cao

Nghe gió lao xao

Mèo ta sợ quá!"

(Sưu tầm)

- a. bí b. lúa c. cau d. ớt

Câu 7. Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

"Cánh cam đi lạc mẹ

Gió xô vào vườn hoang

Giữa bao nhiêu gai góc

Lũ ve sầu kêu ran."

(Theo Ngân Vịnh)

- a. ran b. lạc c. xô d. gai

Câu 8. Từ nào dưới đây viết đúng chính tả ?

- a. dau dền b. giò chả c. giàu ăn d. giệt vải

Câu 9. Giải câu đố sau:

Hoa gì chỉ nở mùa hè

Từng chùm đỏ thắm, gọi ve hát mừng?

- a. hoa mai b. hoa đào c. hoa phượng d. hoa bươm

Câu 10. Những vần nào không xuất hiện trong khổ thơ sau?

"Đã cuối một mùa thu

Dòng sông mơ màng ngủ

Đâu đây tiếng chim gù

Bên đồi xanh sương phủ."

(Nguyễn Lâm Thắng)

- a. ong b. ươn c. anh d. ương

ĐỀ SỐ 3 (5 bài thi)

Bài 1. Điền từ, số thích hợp vào chỗ chấm.

Câu 1. Dám nghĩám làm.

Câu 2. Muônười như một.

Câu 3. Mộtngựa đau cả tàu bỏ cỏ

Câu 4. Một điều nhin chín điềuành.

Câu 5. Công như núi Thái Sơn.

Câu 6. Nghĩa mẹ như nướcong nguồn chảy ra.

Câu 7. Gà cùng một mẹ chớ hoài đáau.

Câu 8. Lá..... ụng về cội.

Câu 9. Đi một ngày đàng học một sàngôn.

Câu 10. Khônoan đối đáp người ngoài.

Bài số 2 và trắc nghiệm 1 (giống đề số 2)

TRẮC NGHIỆM 2

Câu 1. Tên con vật nào dưới đây có vần “uôi”?



A



B



C



D



Câu 2. Đây là rau gì?

- a. rau cải b. rau ngót c. rau dền d. rau muống

Câu 3. Tên quả nào sau đây có vần “ao”?



A



B



C



D

Câu 4. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm:

Mặttỉnh giấc

Hai má ửng hồng

Từng đám mây bông

Vươn vai thức dậy. (Theo Hoàng Minh Ngọc)

- a. trắng b. trời c. biển d. sông

Câu 5. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm:

Em vào năm học mới

Mùachín trên cây

Những trái bàng thơm ngát

Hương bay tận trời mây. (Theo Nguyễn Lâm Thắng)

- a. xuân b. hạ c. thu d. đông

Câu 6. Điền tên con vật thích hợp vào chỗ chấm:

À ơi! Con mẹ ngủ ngoan

Con chim sâu nhỏ hót vang sau vườn

Đung đưa cành bưởi tỏa hương

Conchăm chỉ lên đường tìm hoa. (Theo Nguyễn Lâm Thắng)

- a. kiến b. ong c. ve d. sâu

Câu 7. Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

Hoa xen đã nở
 Rực rỡ đầy hồ
 Thoang thoảng gió đưa
 Mùi hương thơm ngát. (Theo Nhược Thủy)

- a. gió b. đầy c. xen d. hương

Câu 8. Điền từ còn thiếu vào câu tục ngữ: Gầnthì đen, gần đèn thì rạng.

Câu 9. Giải câu đố sau: Con gì đẹp nhất loài chim

Đuôi xòe rực rỡ như nhìn cánh hoa?

- a. Chim sẻ b. Chim sáo c. Chim vẹt d. Chim công

Câu 10. Những vần nào xuất hiện trong khổ thơ sau?

Gió thổi nhẹ nhẹ

Lá khẽ đu đưa

Diều sáo vi vu

Bé thấy vui quá! (Sưu tầm)

- a. ôi, ua, iên, ao, ây, ui b. ôi, ua, iêu, an, ây, ui
 c. ôi, ua, iêu, ao, ây, ui d. ôi, ua, yên, ao, ây, ui

TRẮC NGHIỆM 3 (giống đề số 2)

ĐỀ SỐ 4

Bài 1. Kéo ô trống vào giỏ chủ đề, sao cho các nội dung tương đồng hoặc bằng nhau.

Bảng 1

Có vần “uân”	Có vần “ước”	Có vần “ươi”		
Quân cờ	đám cưới	rước đèn	chín vàng	tuần tú
Quả bưởi	mùa xuân	thước kẻ	huân chương	câu liêm
Rừng đước	cong mui	lưỡi liềm		

Bảng 2

Hãy ghép 2 ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành cặp đôi.

Con hoẵng	Từ có vần “oăng”	Từ có vần “oăn”	Từ có vần “oan”	Từ có vần “uya”
Từ có vần “ước”	Từ có vần “uân”	Băng khuâng	Đèn tuýp	Giàn khoan
Từ có vần “uâng”	Tuần tú	Thước kẻ	Tươi tốt	Từ có vần “ươi”
Từ có vần “uyu”	Tóc xoăn	Từ có vần “uyp”	Khúc khuỷu	Đêm khuya

Bài 2. Em hãy điền chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học hoặc phép tính phù hợp vào ô trống còn thiếu.

Câu 1. Chữ cái phù hợp để điền vào các từ sau là chữ: ...ay ...ua, ...óng sánh, sừng ...ững.

Câu 2. Chữ cái phù hợp để điền vào các từ sau là chữ:

.....ương xương,anh xanh,inh xắn.

Câu 3. Chữ cái phù hợp để điền vào các từ sau là chữ:

.....ồ rá,ú rít,âm ran.

Câu 4. Điền vào chỗ trống trong câu: Trẻ như búp trên cành.

Câu 5. Điền vào chỗ trống trong câu: Công, nghĩa mẹ, ơn thầy.

Câu 6. Điền vào chỗ trống trong câu: Trường mái ngói đỏ tươi.

Câu 7. Điền vào chỗ trống trong câu: Mặtăng tròn vành vạnh.

Câu 8. Điền vào chỗ trống trong câu: Đấtước Việt Nam tươi đẹp.

Câu 9. Điền vào chỗ trống trong câu:

Thức khuya dậy sớm chuyên cần

Quạt nồng ấp lạnh giữ phần đạo

Câu 10. Chữ cái phù hợp để điền vào các từ sau là chữ:

.....ịu dàng,ậpdênh.

Câu 11: Điền chữ cái phù hợp vào chỗ trống:

“lúú,ăng lợi, conông.”?

Trả lời: Chữ cái phù hợp là chữ

Câu 12: Điền chữ phù hợp vào chỗ trống:

“Khi em bé khóc

Anh phải dỗ dành

Nếu em bé ngã

Anhâng dịu dàng.”

(Làm anh - Phan Thị Thanh Nhàn)

Câu 13: Giải câu đố:

“Con gì bạn của nhà nông

Sừng to chân khỏe quanh năm cày bừa.”

Trả lời: conâu.

Câu 14: Điền chữ phù hợp vào chỗ trống:

“mặtòì,èò cây,ùng điệp.”

Trả lời: Chữ phù hợp là chữ.....

Câu 15: Điền vần phù hợp vào chỗ trống: “Điều h..... lẽ phải.”

Câu 16: Chọn vần phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ:

“Bố cho quà nhiều thê

Vì biết em rất ng.....

Vì em luôn giúp bố

Tay súng thêm vững vàng.”

(Quà của bố - Phạm Đình Ân)

Câu 17: Điền r; d hay gi vào chỗ trống: “Trồng cây gâyùng.”

Câu 18. Điền vần phù hợp vào chỗ trống:

“Thức kh..... dậy sớm chuyên cần

Quạtồng ấp lạnh giữ phần đạo con.”

Câu 19: Điền vần phù hợp vào chỗ trống:

“Có ngàn tiaắng nhỏ

Đi học sáng hôm nay

Có trăm trangách mở

Xòe như cánh ch..... bay.”

(Sáng nay- Thy Ngọc)

Bài 3. Chọn đáp án đúng:

Câu 1. Chữ nào sau đây sai chính tả?

- a. ghi b. gha c. ghé d. ghe

Câu 2. Trong các từ sau, từ nào phù hợp với chỗ trống của câu ca dao?

Con người có tổ, có tông.

Như cây có ..., như sông có nguồn

- a. cội b. rễ c. gốc d. ngọn

Câu 3. Trong các từ sau, từ nào phù hợp với chỗ trống của bài đồng dao?

Cái Bống là cái bống bang

Khéo, khéo sàng cho mẹ nấu cơm

- a. xây b. sây c. vảy d. trảy

Câu 4. Từ nào còn thiếu trong đoạn thơ sau:

Chị tre chải tóc bên ao.

Nàng mây áo trắng.... soi gương?

- a. ghé vào b. chạy vào c. bước vào d. đi vào

Câu 5. Từ nào sau đây không có 2 chữ n?

- a. mãi mê b. no nê c. nền nã d. nóng nảy

Câu 6. "Hương rừng thơm đồi vắng

Nước suối trong thâm thì

Cọ xòe ô che nắng

Râm mát đường em đi."

Nhà thơ nào đã viết những câu thơ trên?

- a. Trần Đăng Khoa b. Phan Thị Thanh Nhàn
c. Minh Chính d. Phạm Hồ

Câu 7. Cụm từ nào dưới đây có thể ghép với cụm từ "Trường học" để được câu có nghĩa phù hợp?

- a. rất hạnh phúc b. là học sinh lớp 1
c. nước trong xanh d. là ngôi nhà thứ hai

Câu 8. Từ nào còn thiếu trong đoạn thơ sau:

Hoa cà tím tím.

Hoa mướp vàng vàng.

Hoa lựu ...

Đỏ như đóm lửa ?

- a. Rực rỡ b. hồng hào c. xanh biếc d. chói chang

Câu 9. Từ nào còn thiếu trong câu sau: Giọt sương ...như một viên ngọc.

- a. lựu lựu b. lấp lánh c. lấp lờ d. lấp ló

Câu 10. Chữ nào sau đây sai chính tả?

- a. kì b. kè c. ké d. kam

Câu 11. Những tiếng nào có chứa vần "ương" trong khổ thơ:

"Hôm qua em tới trường

Mẹ dắt tay từng bước

Hôm nay mẹ lên nương

Một mình em tới lớp."

(Đi học - Minh Chính)

a. trường, bước b. trường, nương c. nương, lớp d. nương, nay

Câu 12. Từ nào khác với các từ còn lại?

a. anh trai b. em gái c. thầy giáo d. ông nội

Câu 13. Chọn vần phù hợp điền vào chỗ trống trong khổ thơ:

“Cùng soạn sửa
Đón tr.... lên
Quạt mát thêm
Hơi biển cả”

(Mời vào - Võ Quảng)

a. ăng b. ăn c. anh d. âng

Câu 14. Từ nào khác với các từ còn lại?:

a. con vịt b. con trâu c. con mèo d. em bé

Câu 15. Từ nào viết sai chính tả?

a. giục già b. đông bão c. dạt dào d. già dặn

Câu 16: Chọn chữ phù hợp điền vào chỗ trống trong câu thơ:

“Chị tre chải tóc bên ao.
Nàng mây áo trắngé vào soi gương?” (Trần Đăng Khoa)

a. g b. ng c. gh d. ngh

Câu 17: Ngược với “cũ” là gì?

a. xấu b. mới c. lâu d. đẹp

Câu 18: Từ nào không có hai chữ “n”?

a. nóng nảy b. nền nã c. no nê d. mái mê

Câu 19: Những tiếng nào chứa vần “en” trong câu: “Bé men theo bờ đê để đến đầm sen ở ven làng.” ?

a. bé, đê, đến b. men, theo, đến
c. men, sen, ven d. ven, sen, làng

Câu 20: Ngược với “nóng” là gì?

a. bông b. mưa c. lạnh d. nắng

câu 21. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ chấm: Bịt mắt bắt

Câu 22. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ chấm: Con cóc làông giò.

Câu 23. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ chấm: Chậm nhưùa.

Câu 24. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ chấm: Conua tám cẳng hai càng

Câu 25. Trong các từ sau, từ nào có vần “ou”?

A. lười biếng B. hươu sao C. bưu điện D. đêm khuya

Câu 26. Từ nào viết đúng chính tả?

A. quần đùi B. quần sóc C. quần soóc D. quần bọ

Câu 27. Từ nào có vần “ou”?

A. riêu cua B. thừa thớt C. mưu trí D. gửi gắm

Câu 28. Từ nào viết đúng chính tả?

A. khắp khiễn B. góc gác C. lưu liễn D. sột xoạt

Câu 29. Từ nào khác với các từ còn lại?

A. thước kẻ B. bút chì C. quyển sách D. xe buýt

Câu 30. Chọn từ phù hợp

Ông trời nổi lửa đằng đông

Bà sân vẫn chiếuăn hồng đẹp thay. (Trần Đăng Khoa)

A. th

B. ng

C. kh

D. nh

Câu 31. Cụm từ nào dưới đây có thể ghép với từ “cô giáo” để được câu có nghĩa phù hợp?

A. rất đông vui

B. như mẹ hiền

C. trời quang đãng

D. đang học mầm non

Câu 32. Ngược với “vắng” là gì?

A. ít

B. thừa

C. đông

D. gần

Câu 33. Từ nào viết sai chính tả?

A. trong trẻo

B. ngó nghiêng

C. khe khẽ

D. rong ruổi

Câu 34. Giải câu đố:

Con gì tuy bé

Mà biết lo xa

Tha thức ăn về nhà

Phòng khi trời mưa bão? Là con gì?

Trả lời: Coniến.

Câu 35. Giải câu đố:

Mùa gì âm áp

Mưa phùn nhẹ bay

Khấp chón cỏ cây

Đâm chồi nảy lộc?

Trả lời: mùauân.

Câu 36. Điền vần thích hợp:

Dù ai nói ngả nói ngh.....

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân

A. iên

B. iêng

C. yêng

D. ên

Câu 37. Cái gì cao lớn lênh khêh

Đứng mà không tựa, ngã kênh ngay ra?

A. cái gậy

B. cái thang

C. cái áo

D. cái chậu

Câu 38. Từ nào dưới đây khác với từ còn lại?

A. con gà

B. con lợn

C. con tem

D. con cá

Câu 39. Giải câu đố:

Hạt gì nho nhỏ

Trong trắng, ngoài vàng

Xay, giã, giần, sàng

Nấu thành cơm dẻo? (Là hạt gì?)

A. hạt ngô

C. hạt thóc

C. hạt vừng

D. hạt đậu

Câu 40. Giải câu đố:

Tôi là một giống bò ngang

Nếu thêm dấu hỏi, bạc vàng trong tay.

Từ để nguyên là từ:.....ua

Câu 41. Giải câu đố:

Để nguyên tên một loài chim

Bỏ sắc thường thấy ban đêm trên trời- Là chữ gì?

Trả lời:ao.

Câu 42. Thuộc đẳngtật.

- Câu 43. Cây ngay không sợ chết
- Câu 44. Cầu đượcthấy
- Câu 45. Ướcđược vậy.
- Câu 46. Ước của trái
- Câu 47. Đứng núi nàyông núi nọ.
- Câu 48. Có công mài sắt, có ngàyên kim.
- Câu 49. Thua keo này, bàyeo khác.
- Câu 50. Người cóí thì nên.
- Câu 51. Nhà cóền thì vững.
- Câu 52. Dù ai câu chạch câumặc ai.
- Câu 53. Chơicó ngày đứt tay
- Câu 54. Nhường cơmáo.
- Câu 55. Hiềnbụt.
- Câu 56. Giữcọp
- Câu 57. Anh em hòa thuận hai thân vui
- Câu 58. Đầu năm gió to, cuối năm gió.....
- Câu 59. Kính thầybạn.
- Câu 60. Nước chảymòn.
- Câu 61. Lời hayđẹp
- Câu 62. Xấu ngườinét.
- Câu 63. Trên kínhnhường.
- Câu 64. Mưa thuậnhòa.
- Câu 65. Đất lànhđậu
- Câu 66. Máu chảy mềm
- Câu 67. Chân lấmbùn.
- Câu 68. Trọng nghĩatài.
- Câu 69. Hẹp nhàbụng.
- Câu 70. Có chí thì
- Câu 71. ở chọn nơi, chơi chọn

ĐỀ SỐ 5

Bài 1. Nối ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để được câu đúng.

Bạc
Giác
Tâm

bê
áp
mơ

Bác
ám
Búp
mát
Nhà
công
nóng

thiếp
mê
thơ
Sĩ
an
thang
nực

Bài 2. Điền chữ thích hợp vào chỗ chấm

Câu 1. Bò bê ởờ đê.

Câu 2. Bó mácèm cửa cho bà.

Câu 3. Ve sầuăm chỉ hát ca.

Câu 4. Con bò ănỏ trên đồng.

Câu 5. Đàn bò thung thăngăm cỏ.

Câu 6. Bà chămóc em bé ân cần.

Câu 7. Mùa gặt đến, làng quêộn ràng.

Câu 8. Bé Naem ti vi.

Câu 9. Những ngọn đuốcáng rực.

Câu 10. Đàn gà nhặt thóc vương trênân.

Bài 3. Chọn đáp án đúng.

Câu 1. Từ nào khác với các từ còn lại?

- a. con sóc b. con mắt c. con vẹt d. con ốc

Câu 2. Từ nào chứa tiếng có chung vần với tiếng “băng”?

- a. cang cua b. lá bàng c. vàng trắng d. nhà tầng

Câu 3. Những vần nào có trong câu văn sau: Con mua chọt ngừng, đám trẻ con liền ùa ra sân.

- a. ơn, iên, ân b. an, yên, on c. ôn, ông, ương d. in, iêm, ân

Câu 4. Dòng nào chỉ gồm các từ chứa tiếng có vần “ân”?

- a. nhà tầng, bàn chân b. thân thương, chân thật
c. ôn, ông, ương d. in, iêm, ân

Câu 5. Dòng nào chỉ gồm các từ chứa tiếng có vần “ân”?

- a. nhà tầng, bàn chân b. thân thương, chân thật
c. sân nhà, tấm thảm d. lan can, nhà sàn

Câu 6. Dòng nào chỉ gồm các tiếng có vần “un”?

- a. kim, nhím, nhóm b. chín, sim, tím
c. lợn, sơn, mụn d. bún, giun, cún

Câu 7. Chọn chữ thích hợp:á sen,úa nếp

- a. t b. đ c. n d. l

Câu 8. Chọn vần thích hợp: Chú Lê rất đ..... mê âm nhạc dân tộc.

- a. ăm b. om c. êm d. am

Câu 9. Từ nào viết sai chính tả trong câu: Bé giúp đỡ mẹ thu gợn nhà cửa gọn gàng.

- a. gọn gàng b. nhà cửa c. giúp đỡ d. thu gợn

Câu 10. Tên các sự vật sau có chung vần gì?



a. ông

b. ung

c. ang

d. ăng

Hướng dẫn – Đề số 1

Bài 1. Nối ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để được câu hoàn chỉnh

Bảng 1

Ngôi nhà		ăn cỏ.
Đàn bò		mèo đậy.
Thầy cô		dạy học.
Cây vải		cao năm tầng.
Chó treo		sai trĩu quả.
Bé Na		tỏa hương thơm ngát.
Trời mưa		xôi xà.
Đàn kiến		tha mồi về tổ.
Hoa		bụ bẫm.
Gió		thổi lao xao.

Bảng 2

Bác nông dân		khám chữa bệnh.
Nhà văn		vẽ tranh.
Bác sĩ		rơi trắng xóa.
Ca sĩ		xanh tươi mon mơn.
Họa sĩ		thu hoạch lúa.
Hồ nước		xanh trong.
Những chiếc lá		lái máy bay.
Chú phi công		viết truyện.
Hoa hồng		biểu diễn trên sân khấu.
Tuyết		tỏa hương thơm ngát.

Bảng 3

Đàn dê	dạy học.
Trời mưa	cao năm tầng.
Con mèo	nở vào mùa xuân.
Giếng nước	ùn ỉn.
Ngôi nhà	sai trĩu quả.
Đàn cò	xối xả.
Thầy cô	đang rình bắt chuột.
Con lợn	trong veo.
Cành vải	bay là trên cánh đồng.
Hoa mai	kêu be be.

Bài 2. Sắp xếp lại vị trí các từ để được câu học chỉnh.

Câu 1. Nhà/thì/sạch/mát

→ Nhà sạch thì mát

Câu 2. sâu/khoan/hoắm./Giếng

→ Giếng khoan sâu hoắm.

Câu 3. sắc/hoa/Trăm./khoe

→ Trăm hoa hoe sắc.

Câu 4. com/Bát/ngon/sạch

→ Bát sạch ngon com

Câu 5. ôm./bị.Mẹ

→ Mẹ bị ôm.

Câu 6. chim/bìm/bịp

→ chim bìm bịp

Câu 7. Hoa/màu./vàng/cúc

→ Hoa cúc màu vàng.

Câu 8. tinh./trắng/Hoa/huệ

→ Hoa huệ trắng tinh.

Câu 9. vành/Chim/đang/khuyên./bay

→ Chim vành khuyên đang bay.

Câu 10. cây/Tết/trông/mùa/Xuân./là

→ mùa Xuân là Tết trông cây.

Câu 11. sân./đạp/trên/xe/Bé

→ Bé đạp xe trên sân.

Câu 12. vị/na/có/Quả/ngọt.

→ Quả na có vị ngọt.

Câu 13. cho/kim/xỏ/Em/bà.

→ Em xỏ kim cho bà.

Câu 14. úp/b/en/s

→ búp sen

Câu 15. bìm/chim/bịp

→ chim bìm bịp

Câu 16. chín/tím./sim/Quả/màu

→ Quả sim tím màu tím.

Câu 17. vành / Chim/ đang/ khuyên/ . / bay

→ Chim vành khuyên đang bay.

Câu 18. chim/ ca/ sơn

→ chim sơn ca

Trắc nghiệm 1

Câu 1. ngược với "xấu" gọi là gì?

- a. đen **b. tốt** c. tươi d. dữ

Câu 2. Từ nào dưới đây không chỉ màu sắc ?

- a. đỏ rực **b. lúa gạo** c. tím ngắt d. vàng tươi

Câu 3. Từ nào dưới đây không chỉ con vật ?

- a. con ong b. con gà c. con chim **d. con tàu**

Câu 4. Người sáng tác thơ ca được gọi là gì?

- a. thầy giáo **b. nhà thơ** c. nhà giáo d. công an

Câu 5. Những từ nào có vần "on" trong câu:

Mẹ Bồng đi chợ đường tron

Bồng ra gánh đỡ chạy cơn mưa ròn.

- a. chợ b. tron c. cơn **d. tron, cơn**

Câu 7. Trong các từ sau, từ nào chỉ con vật sống trong rừng?

- a. hổ** b. trâu c. ngan d. vịt

Câu 7. Chọn từ phù hợp đứng trước cụm từ "làm việc trong nhà máy." để hoàn thành câu có nghĩa?

- a. chú công an b. cô giáo em c. bác thợ nề **d. anh công nhân**

Câu 8. Chọn đáp án đúng để giải câu đố:

"Cái gì bật sáng trong đêm

Giúp cho nhà dưới, nhà trên sáng ngời?"

- a. bóng bay b. bật lửa **c. bóng đèn** d. đom đóm

Câu 9. Từ nào chứa vần "uyên" trong câu:

"Em yêu nhà em

Hàng xoan trước ngõ

Hoa xao xuyên nở

Như mây từng chùm."

- a. yêu b. xoan **c. xuyên** d. chùm

Câu 10. Chọn chữ phù hợp điền vào chỗ trống:

"Tre bầnần nhớ gió

Chợt về đây tiếng chim."

(Lũy tre- Nguyễn Công Dương)

- a. c b. tr **c. th** d. ng

Câu 11. Trong các từ sau, từ nào chỉ con vật sống được dưới nước?

- a. chim sơn ca **b. chim cánh cụt**
c. chim bồ câu d. chim chiền chiện

Câu 12. Từ nào có vần “ân” trong câu “Anh công nhân làm việc trong nhà máy.”?

- a. anh b. máy c. trong **d. nhân**

Trắc nghiệm 2

Câu 1. Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

Ầm ầm sấm chớp

Gió cuốn mây về

Mưa rơi lộp độp

Mưa chườn qua đê. (Nguyễn Lâm Thắng)

- a. sấm b. chớp **c. chườn** d. rơi

Câu 2. Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

a. con chăn

b. khóm trúc

c. công triêng

d. chôn tìm

Câu 3. Điền từ còn thiếu:

Chú gà trống nhỏ

Cái mỏ màu đỏ

Cái mỏ màu vàng

Đập cánhvang

Dưới giàn bông bí. (Nguyễn Lâm Thắng)

- a. hót **b. gáy** c. kêu d. nhảy

Câu 4. Điền từ còn thiếu:

Hôm qua em tới trường

Mẹtay từng bước

Hôm nay mẹ lên nương

Một mình em tới lớp. (Hoàng Minh Chính)

- a. sờ n. nặn **d. dắt** d. gấp

Câu 5. Điền từ còn thiếu:

Mùa xuân hoa nở đẹp tươi

Bướm con bướm mẹ ra chơi hoa hồng

Bướm mẹ hút mật đầu bông

Bướm con đùa với nụ hồnghoe. (Trần Đăng Khoa)

a. đỏ

b. đen

c. xanh

d. tím

Câu 6. Tên đồ vật nào dưới đây có vần “ap”?



A



B



C



D

Chọn C

Câu 7. Tên đồ vật nào dưới đây có vần “uôt”?



A



B



C



D

Chọn C

Câu 8. Giải câu đố sau:

Con gì bé tí
Đi lại từng đàn
Kiếm được môi ngon
Cùng tha về tổ

- a. con dế b. con muỗi c. con ong **d. con kiến**

Câu 9. Người trong hình đang làm gì?



- a. vẽ tranh b xây nhà **c. nấu ăn** d. dạy học

Trắc nghiệm 3

Câu 1. Giải câu đố sau:

Chim gì hay múa
Đuôi xoè cánh quạt
Đẹp như bức tranh?

- a. chim nhạn **b. chim công** c. chim chào mào d. chim sẻ

câu 2. Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

Dàn gác đan lá
Xanh một góc trời
Gió về gió quạt
Mát chỗ em ngồi. (Đặng Vương Hưng)

- a. trời **b. dàn** c. quạt d. chỗ

câu 3. Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

- a. xách vở **b. túi xách** c. quyển xách d. xáp nẻ

Câu 4. Điền từ còn thiếu:

Gió từ trời cao
Có khi còn nghỉ
Gió từ tay mẹ
.....suốt ngày hè. (Vương Trọng)

- a. chây b. rơi **c. thổi** d. dâng

câu 5. Điền từ còn thiếu

Bàn tay nhỏ
Phe phẩy quạt nan
Đều đều ngọn gió
Rung rinh góc màn. (Quang Huy)

a. nhạt b. nhen c. nhoi **d. nhẵn**

Câu 6. Điền từ còn thiếu: Giàn mướp toảthơm nức.

a. màu **b. hương** c. xanh d. nắng

Câu 7. Điền từ còn thiếu vào câu tục ngữ sau: Giấy rách phải giữ lấy.....

a. chữ b. tờ c. vở **d. lề**

Câu 8. Đâu là biển báo giao thông?



A



B



C



D

chọn C

Câu 9. Đây là cái gì?



a. máy hút bụi

b. com-pa

c. chổi lau nhà

d. cái xẻng

ĐỀ SỐ 2 (5 bài thi – 2021)

Bài 1. Điền từ, số thích hợp vào chỗ chấm.

Câu 1. Anh em như thể chân...**tay**.....

Câu 2. Rách lành đùm bọc đỡ**hay**..... đỡ đàn

Câu 3. Thất bại là mẹ ...**th**.....ành công.

Câu 4. Giấy**r**...ách phải giữ lấy **lề**.

Câu 5. Uống nước**nh**.....ớ nguồn.

Câu 6. Kính ...**th**....ây yêu bạn.

Câu 7. Đói cho ...**s**...ách rách cho thơm

Câu 8. Một cây làm chẳng nên ...**n**.....on

Câu 9. Ba cây chụm lại nên hòn ...**n**.....úi cao

Câu 10. Nhất như**th**...ỏ để.

Bài 2. Nối ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để được câu đúng.

Mặt trời		gáy ò ó o.
Gà trống		đang gặm cỏ.
Chim sơn ca		chảy rì rầm.
Con trâu		hót líu lo.
Cá vàng		đang rình bắt chuột.
Suối		bơi tung tăng.
Chuồn chuồn		bay thấp thì mưa.
Những con ếch		tỏa nắng ấm áp.
Những hạt mưa		thì nhau rơi xuống
Con mèo vàng		kêu ộp ộp

Trắc nghiệm 1

Câu 1. Tên đồ vật nào dưới đây có vần "oa"?



A



B



C



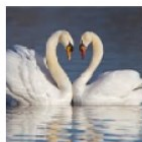
D

chọn C

Câu 2. Hình ảnh nào dưới đây là chim thiên nga?



A



B



C



D

chọn B

Câu 3. Tên con vật nào dưới đây không có vần "âu"?



A



B



C



D

chọn A

Câu 4. Từ nào thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn thơ sau?

"Con đường rợp bóng tre
 Uôn mình trong nắng hạ
 Tiếng chim rơi ngọt quá!
 Khẽ động cọng rom"
 (Theo Nguyễn Lâm Thắng)

a. xanh

b. trắng

c. vàng

d. đỏ

Câu 5. Từ nào thích hợp để điền vào chỗ trống trong đoạn thơ sau?

"Khi em bé khóc
Anh phải dỗ dành
Nếu em bé....
Anh nâng dịu dàng."

(Theo Phan Thị Thanh Nhàn)

- a. khóc **b. ngã** c. đói d. ngủ

Câu 6. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống sau:

"Trái.....xinh xinh
Nắng vàng chín đỏ
Bao nhiêu mặt trời
Ngủ say trong đó."

(Theo Đặng Vương Hưng)

- a. na b. chuối **c. gấc** d. táo

Câu 7. Giải câu đố sau:

Con gì bé tí
Đi lại từng đàn
Kiếm được mỗi ngon
Cùng tha về tổ?

- a. con dế b. con muỗi c. con ong **d. con kiến**

Câu 8. Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

"Hạt xương bé tí tẹo
Đựng cả ông mặt trời
Ai treo trên ngọn cỏ
Lung linh mà không rơi."

(Theo Phương Thảo)

- a. treo b. trời c. rơi **d. xương**

Câu 9. Từ nào dưới đây viết đúng chính tả ?

- a. hoa soan b. rạp siếc c. hoa xúng **d. suu tâm**

Câu 10. Điền từ còn thiếu vào câu tục ngữ sau: Nhà sạch thì....., bát sạch ngon cơm.

- a. đẹp b. tốt c. thích **d. mát**

Trắc nghiệm 2

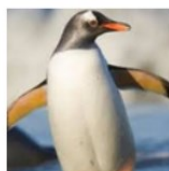
Câu 1. Tên con vật nào dưới đây có vần "âu"?



A



B



C



D

chọn B

Câu 2. Các bạn nhỏ trong hình đang làm gì?



a. nhảy múa

b. hái hoa

c. **trồng cây** d. ăn uống

Câu 3. Tên đồ vật nào dưới đây có vần "eo"?



A



B



C



D

chọn D

Câu 4. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống sau:

"Hoa cà....

Hoa mướp vàng vàng

Hoa lựu chói chang

Đỏ như đóm lửa."

(Theo Thu Hà)

a. đo đỏ

b. trắng trắng

c. **tim tím**

d. xanh xanh

Câu 5. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong khổ thơ sau:

"Hôm nay trời..... chang chang

Mèo con đi học chẳng mang thứ gì

Chỉ mang một chiếc bút chì

Và mang một mẩu bánh mì con con."

(Theo Phan Thị Vàng Anh)

a. nóng

b. mưa

c. **nắng**

d. lạnh

Câu 6. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong khổ thơ sau:

"Sân nhà em sáng quá

Nhờ ánh trăng sáng ngời

Trăng tròn như cái....

Lơ lửng mà không rơi."

(Theo Nhược Thủy)

a. ghê

b. quạt

c. **đĩa**

d. đĩa

Câu 7. Giải câu đố sau:

Con gì quang quác

Cục tác cục te

Đẻ trứng tròn xoe

Nở bông vàng bé?

a. bò câu

b. vịt

c. gà trống

d. gà mái

Câu 8. Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

"Hương rừng thơm đời vắng

Nước suối trong thâm thì

Cọ sòe ô che nắng

Râm mát đường em đi."

(Theo Hoàng Minh Chính)

a. rùng b. suôi c. sòe d. râm

Câu 9. Chữ cái "k" chỉ có thể ghép với những chữ cái nào?

a. a, ă, â b. i, u, ư c. o, ô, ơ d. i, e, ê

Câu 10. Tên những đồ vật trên có chung vần gì?



a. vần "ai" b. vần "ây" c. vần "ay" d. vần "ang"

Trắc nghiệm 3

Câu 1. Tên đồ vật nào dưới đây có vần "inh"?



A



B



C



D

Chọn B

Câu 2. Đây là loại rau gì?



a. rau muống b. rau cải c. rau ngót d. rau xà lách

Câu 3. Tên con vật nào sau đây có vần "ac"?



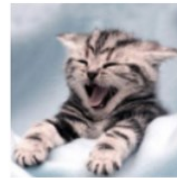
A



B



C



D

chọn C

Câu 4. Điền tên một loài vật thích hợp vào chỗ trống trong khổ thơ sau:

"..... con ngòì lặng yên
Lông một màu trắng muốт
Hai mắt hồng trong suốt
Trông hiền ơì là hiền."

(Theo Hoàng Thị Minh Khanh)

a. gà b. nghé c. bê d. thỏ

Câu 5. Điền tên một loài hoa thích hợp vào chỗ trống sau:

"Cứ mỗi độ thu sang
Hoa lại nở vàng
Ngoài vườn, hương thơm ngát
Ong bướm bay rộn ràng."

(Theo Trần Lê Văn)

a. khế b. bưởi c. đào d. cúc

Câu 6. Điền tên một loài cây vào chỗ trống sau:

"Chú mèo be bé
Trèo cây.....cao

Nghe gió lao xao

Mèo ta sợ quá!"

(Sưu tầm)

- a. bí b. lúa c. cau d. ớt

Câu 7. Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

"Cánh cam đi lạc mẹ

Gió xô vào vườn hoang

Giữa bao nhiêu gai góc

Lũ ve sầu kêu ran."

(Theo Ngân Vịnh)

- a. ran b. lạc c. xô d. gai

Câu 8. Từ nào dưới đây viết đúng chính tả ?

- a. dau dền b. giò chả c. giàu ăn d. giệt vải

Câu 9. Giải câu đố sau:

Hoa gì chỉ nở mùa hè

Tùng chùm đỏ thắm, gọi ve hát mừng?

- a. hoa mai b. hoa đào c. hoa phượng d. hoa bưởi

Câu 10. Những vần nào không xuất hiện trong khổ thơ sau?

"Đã cuối một mùa thu

Dòng sông mơ màng ngủ

Đâu đây tiếng chim gù

Bên đồi xanh sương phủ."

(Nguyễn Lâm Thắng)

- a. ong b. ươn c. anh d. ương

ĐỀ SỐ 3 (5 bài thi)

Bài 1. Điền từ, số thích hợp vào chỗ chấm.

Câu 1. Dám nghĩ**d**.....ám làm.

Câu 2. Muôn**ng**.....ười như một.

Câu 3. Một ...**con**.....ngựa đau cả tàu bỏ cỏ

Câu 4. Một điều nhin chín điều**l**.....ành.

Câu 5. Công**cha**..... như núi Thái Sơn.

Câu 6. Nghĩa mẹ như nước**tr**.....ong nguồn chảy ra.

Câu 7. Gà cùng một mẹ chớ hoài đá**nh**.....au.

Câu 8. Lá.....**r**... ụng về cội.

Câu 9. Đi một ngày đàng học một sàng**kh**.....ôn.

Câu 10. Khôn**ng**.....oan đối đáp người ngoài.

Bài số 2 và trắc nghiệm 1 (giống đề số 2)

TRẮC NGHIỆM 2

Câu 1. Tên con vật nào dưới đây có vần “uôi”? **chọn C**



A



B



C



D



Câu 2. Đây là rau gì?

- a. rau cải b. rau ngót c. rau dền **d. rau muống**

Câu 3. Tên quả nào sau đây có vần “ao”? **Chọn B**



A



B



C



D

Câu 4. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm:

Mặttỉnh giấc
 Hai má ửng hồng
 Từng đám mây bông
 Vươn vai thức dậy. (Theo Hoàng Minh Ngọc)

- a. trắng **b. trời** c. biển d. sông

Câu 5. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm:

Em vào năm học mới
 Mùachín trên cây
 Những trái bàng thơm ngát
 Hương bay tận trời mây. (Theo Nguyễn Lâm Thắng)

- a. xuân b. hạ **c. thu** d. đông

Câu 6. Điền tên con vật thích hợp vào chỗ chấm:

À ơi! Con mẹ ngủ ngoan
 Con chim sâu nhỏ hót vang sau vườn
 Dung đưa cành bưởi tỏa hương
 Conchăm chỉ lên đường tìm hoa. (Theo Nguyễn Lâm Thắng)

- a. kiến **b. ong** c. ve d. sâu

Câu 7. Từ nào trong khổ thơ dưới đây viết sai chính tả?

Hoa xen đã nở
 Rực rỡ đầy hồ
 Thoang thoang gió đưa
 Mùi hương thơm ngát. (Theo Nhược Thủy)

- a. gió b. đầy **c. xen** d. hương

Câu 8. Điền từ còn thiếu vào câu tục ngữ:

Gần**mực**....thì đen, gần đèn thì rạng.

Câu 9. Giải câu đố sau: Con gì đẹp nhất loài chim

Đuôi xòe rực rỡ như nhìn cánh hoa?

a. Chim sẻ b. Chim sáo c. Chim vẹt **d. Chim công**

Câu 10. Những vần nào xuất hiện trong khổ thơ sau?

 Gió thổi nhẹ nhẹ

 Lá khẽ đu đưa

 Điệu sáo vi vu

 Bé thấy vui quá! (Sưu tầm)

a. ôi, ua, iên, ao, ây, ui

b. ôi, ư, iêu, an, ây, ưi

c. ôi, ư, iêu, ao, ây, ui

d. ôi, ua, yên, ao, ây, ui

ĐỀ SỐ 4

BÀI 2.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	s/s/s/s	x/x/x	r/r/r	em	cha	em	tr	n	con	d/d/d
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	r/r/r	n	tr	Tr/tr/tr	ay	oan	r	uya/n	n/s/im	

BÀI 3.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	d	a	b	a	a	c	d	d	b	d
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	b	b	a	d	d	c	b	d	c	c

câu 21. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ chấm: Bịt mắt bắt ...**đê**.....

Câu 22. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ chấm: Con cóc là ...**cậu**.....ông giò.

Câu 23. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ chấm: Chậm như ...**r**....ùa.

Câu 24. Chọn từ phù hợp điền vào chỗ chấm: Con ...**c**.....ua tám cẳng hai càng

Câu 25. Trong các từ sau, từ nào có vần “**ou**”?

A. lười biếng **B. hươu sao** C. bưu điện D. đêm khuya

Câu 26. Từ nào viết đúng chính tả?

A. quần đùi B. quần sóc **C. quần soóc** D. quần bọ

Câu 27. Từ nào có vần “**u**”?

A. riêu cua B. thừa thớt **C. mưu trí** D. gửi gắm

Câu 28. Từ nào viết đúng chính tả?

- A. khập khiễn **B. góc gác** C. lưu liến D. sột xoạt

Câu 29. Từ nào khác với các từ còn lại?

- A. thước kẻ B. bút chì C. quyển sách **D. xe buýt**

Câu 30. Chọn từ phù hợp

Ông trời nổi lửa đằng đông

Bà sân vắn chiếcăn hồng đẹp thay. (Trần Đăng Khoa)

- A. th B. ng **C. kh** D. nh

Câu 31. Cụm từ nào dưới đây có thể ghép với từ “cô giáo” để được câu có nghĩa phù hợp?

- A. rất đông vui **B. như mẹ hiền**
C. trời quang đãng D. đang học mầm non

Câu 32. Ngược với “vắng” là gì?

- A. ít B. thừa **C. đông** D. gần

Câu 33. Từ nào viết sai chính tả?

- A. trong trẻo **B. ngó nghiêng** C. khe khẽ D. rong ruổi

Câu 34. Giải câu đố:

Con gì tuy bé

Mà biết lo xa

Tha thức ăn về nhà

Phòng khi trời mưa bão? Là con gì?

Trả lời: Con**k**.....iến.

Câu 35. Giải câu đố:

Mùa gì ấm áp

Mưa phùn nhẹ bay

Khấp chón cỏ cây

Đâm chồi nảy lộc?

Trả lời: mùa**x**.....uân.

Câu 36. Điền vần thích hợp:

Dù ai nói ngả nói ngh.....

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân

- A. iên **B. iêng** C. yêng D. ên

Câu 37. Cái gì cao lớn lênh khênh

Đứng mà không tựa, ngã kềnh ngay ra?

- A. cái gậy **B. cái thang** C. cái áo D. cái chậu

Câu 38. Từ nào dưới đây khác với từ còn lại?

- A. con gà B. con lợn **C. con tem** D. con cá

Câu 39. Giải câu đố:

Hạt gì nhỏ nhỏ

Trong trắng, ngoài vàng

Xay, giã, giần, sàng

Nấu thành cơm dẻo? (Là hạt gì?)

- A. hạt ngô **C. hạt thóc** C. hạt vừng D. hạt đậu

Câu 40. Giải câu đố:

Tôi là một giống bò ngang

Nếu thêm dấu hỏi, bạc vàng trong tay.

Từ đề nguyên là từ:.....**c**....ua

Câu 41. Giải câu đố:

Đề nguyên tên một loài chim

Bỏ sắc thường thấy ban đêm trên trời- Là chữ gì?

Trả lời:**s**.....ao.

Câu 42. Thuốc đắng**đã**.....tật.

Câu 43. Cây ngay không sợ chết**đứng**.....

Câu 44. Cầu được**ước**.....thấy

Câu 45. Ước**sao**.....được vậy.

Câu 46. Ước của trái**mùa**.....

Câu 47. Đứng núi này ...**tr**..ông núi nọ.

Câu 48. Có công mài sắt, có ngày ...**n**...ên kim.

Câu 49. Thua keo này, bày ...**k**....eo khác.

Câu 50. Người có ...**ch**...í thì nên.

Câu 51. Nhà có ...**n**...ên thì vững.

Câu 52. Dù ai câu chạch câu**rùa**....mặc ai.

Câu 53. Chơi**dao**.....có ngày đứt tay

Câu 54. Nhường cơm**sẻ**.....áo.

Câu 55. Hiền**như**.....bụt.

Câu 56. Giữ**như**.....cọp

Câu 57. Anh em hòa thuận hai thân vui**vây**....

Câu 58. Đầu năm gió to, cuối năm gió.....**bắc**.....

Câu 59. Kính thầy**yêu**.....bạn.

Câu 60. Nước chảy**đá**....mòn.

Câu 61. Lời hay**ý**....đẹp

Câu 62. Xấu người**đẹp**.....nết.

Câu 63. Trên kính**dưới**.....nhường.

Câu 64. Mưa thuận**gió**....hòa.

Câu 65. Đất lành**chim**.....đậu

Câu 66. Máu chảy**ruột**mềm

Câu 67. Chân lấm**tay**....bùn.

Câu 68. Trọng nghĩa**khinh**.....tài.

Câu 69. Hẹp nhà**rộng**.....bụng.

Câu 70. Có chí thì**nên**....

Câu 71. ở chọn nơi, chơi chọn**bạn**.....

ĐỀ SỐ 5

Bài 1. Nối ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để được câu đúng.

Bạc
Giấc
Tấm
Bác
ấm
Búp
mát
Nhà
công
nóng

bê
áp
mơ
thiếp
mẻ
thơ
Sĩ
an
thang
nực

Bài 2. Điền chữ thích hợp vào chỗ chấm

Câu 1. Bò bê ở ...**b**....ờ đê.

Câu 2. Bó mắc ...**r**.....èm cửa cho bà.

Câu 3. Ve sầu ...**ch**...ấm chỉ hát ca.

Câu 4. Con bò ăn ...**c**...ỏ trên đồng.

Câu 5. Đàn bò thung thăng**g**...ấm cỏ.

Câu 6. Bà chăm ...**s**...óc em bé ân cần.

Câu 7. Mùa gặt đến, làng quê ...**r**.....ộn ràng.

Câu 8. Bé Na ...**x**.....em ti vi.

Câu 9. Những ngọn đuốc ...**s**.....áng rực.

Câu 10. Đàn gà nhặt thóc vương trên ...**s**....ân.

Bài 3. Chọn đáp án đúng.

Câu 1. Từ nào khác với các từ còn lại?

a. con sóc

b. con mắt

c. con vẹt

d. con ốc

Câu 2. Từ nào chứa tiếng có chung vần với tiếng “băng”?

a. càng cua

b. lá bàng

c. vầng trăng

d. nhà tầng

Câu 3. Những vần nào có trong câu văn sau: Con mua chọt ngừng, đám trẻ con liền ủa ra sân.

a. ơn, iên, ân

b. an, yên, on

c. ôn, ông, ương

d. in, iêm, ân

Câu 4. Dòng nào chỉ gồm các từ chứa tiếng có vần “ân”?

a. nhà tầng, bàn chân

b. thân thương, chân thật

c. ôn, ông, ương

d. in, iêm, ân

Câu 5. Dòng nào chỉ gồm các từ chứa tiếng có vần “ân”?

a. nhà tầng, bàn chân

b. thân thương, chân thật

c. sân nhà, tấm thảm

d. lan can, nhà sàn

Câu 6. Dòng nào chỉ gồm các tiếng có vần “un”?

a. kim, nhím, nhóm

b. chín, sim, tím

c. lợn, sơn, mụn

d. bún, giun, cún

Câu 7. Chọn chữ thích hợp:á sen,úa nếp

a. t b. đ c. n d. l

Câu 8. Chọn vần thích hợp: Chú Lê rất đ..... mê âm nhạc dân tộc.

a. ăm b. om c. êm d. am

Câu 9. Từ nào viết sai chính tả trong câu: Bé giúp đỡ mẹ thu gợn nhà cửa gọn gàng.

a. gọn gàng b. nhà cửa c. giúp đỡ d. thu gợn

Câu 10. Tên các sự vật sau có chung vần gì?



a. ông b. ung c. ang d. ăng